

JOURNAL OF EDUCATION
JOURNAL OF EDUCATIONAL SCIENCE - MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

Kính tặng Ngõ Trang

Đinh Anh

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC • BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số **373**
(Kì 1 - 1/2016)



ISSN 2354 0753

VỀ ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. ĐINH VĂN ĐỀ*

Abstract: *Training towards capacity development is a new approach and advanced training - training proficiency. With this method, will train the technology implicit in the theory and practice; in theory, students synthesize the knowledge base, the core knowledge and advanced knowledge; in practice, all students proficient skills and techniques; skills mean reaching levels very proficient, skillful. This paper builds pathways in training towards capacity-building measures in the specialized technical training at colleges in Ho Chi Minh City.*

Keywords: *educate, specialized technical, capacity development.*

Chiến lược phát triển giáo dục (GD) từ năm 2011-2020 đã xác định: *Tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt là GD đạo đức, lối sống, năng lực (NL) sáng tạo, kỹ năng thực hành để một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - kỹ thuật.* Đây là quan điểm quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD Việt Nam. Thực tế lâu nay, GD cao đẳng, đại học ở nước ta nói chung và ở TP. Hồ Chí Minh nói riêng đối với ngành kỹ thuật là đào tạo (ĐT) hàn lâm, nặng về lý thuyết và xem nhẹ phần thực hành. Giảng viên (GV) giảng dạy chuyên về lý thuyết thì không chuyên thực hành và ngược lại, do đó chưa có tiếng nói chung để đưa kết quả cuối cùng đến cho sinh viên (SV). Chương trình GD chưa chú trọng đến chủ thể người học cũng như khả năng ứng dụng tri thức đã học vào thực tiễn. Mục tiêu dạy học (DH) còn chung chung, chưa chi tiết... nên chưa đảm bảo được chất lượng DH. SV tốt nghiệp ra trường chưa đáp ứng kỳ vọng của người sử dụng lao động. Do vậy, nghiên cứu phát triển các mô hình ĐT mới theo hướng phát triển NL trong dạy các chuyên ngành kỹ thuật ở các trường cao đẳng tại TP. Hồ Chí Minh là rất cần thiết.

1. Đặc điểm và phân loại của năng lực thực hiện (NLTH)

Phát triển phương pháp giảng dạy mới theo hướng tiếp cận NLTH, trước tiên phải biết đến tính chất cơ bản của các mối quan hệ về cấu trúc giữa SV - GV - nội dung DH và các thành tố liên quan đến quá trình DH như: bản chất, quy luật, mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện đánh giá trong hoạt động dạy và học.

Vận dụng lý luận DH biện chứng vào quá trình phát triển NLTH theo hướng tiếp cận để trả lời các câu

hỏi về "học"; Nghĩa là: Về mục đích - học để làm gì?; về nội dung - học cái gì?; về phương pháp - học như thế nào?; về thời gian - học lúc nào?; về địa điểm - học ở đâu?; về phương tiện - học bằng cái gì?; và về người học - ai học?

Khi đã trả lời tường minh các câu hỏi đó, việc xây dựng đường hướng ĐT mới sẽ có tính hệ thống và khả thi là một điều tất yếu vì phát triển NL gắn liền với phát triển tiềm năng nghiên cứu sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp, NL hoạt động của người học.

Có rất nhiều khái niệm về NL, tuy nhiên ở phạm vi nghiên cứu, tác giả sử dụng ý niệm về NL được cổ động theo **Từ điển Bách khoa Việt Nam**, tập 3. NL được khái niệm như sau: NL là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo - tức là có thể thực hiện một cách thuần thục và chắc chắn - một hay một số dạng hoạt động nào đó. NL gắn liền với "những phẩm chất về trí nhớ, tính nhạy cảm, trí tuệ, tính cách của cá nhân".

Tiếp cận theo NL, thực chất là xây dựng quy trình tối ưu nhằm xác định các NL cần có khi thực hành, biến những NL đó thành mục tiêu của quá trình ĐT.

NL có những đặc điểm sau: - **Tích hợp:** Thực tế cho thấy, người học có một số kiến thức và kỹ năng thì chưa đủ để hình thành NL, mà các thành tố đó phải được tích hợp rất nhiều những kiến thức, kỹ năng và tạo thành một khối thống nhất. NL cho phép huy động một tập hợp kiến thức và kỹ năng tích hợp. Với thái độ và sự tích hợp giữa kiến thức và kỹ năng sẽ tích tụ thành khả năng làm việc thông thạo và có đường hướng phát triển tốt, tạo thành kỹ xảo cho người học; - **Đa chiều:** Người học có thể thực hiện tốt một nhiệm vụ,

* Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. Hồ Chí Minh

một công việc là phải biết tập hợp thái độ, kiến thức và kỹ năng, sự tập hợp đó dựa trên quan điểm học thông thạo; nghĩa là giữa lý thuyết và thực hành bổ sung cho nhau; thông qua lý thuyết, người học tiến hành thực nghiệm thông thạo với kết quả tối ưu. Kết quả thực hành đó sẽ phản ánh lại lý thuyết đã được hoàn thiện hay chưa và từ đó có thể điều chỉnh cho phù hợp; khi người học đã thành công thì được gọi là người có NL;

- **Đặc điểm quan sát và đo lường được:** Quan sát là một hoạt động của trí tuệ và diễn ra theo một quá trình; Đo lường cung cấp các chuẩn mực về độ lớn, so sánh trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Nhờ NLTH người học có thể thực hiện hoàn thành những công việc từ đơn giản đến phức tạp và kết quả vẫn có thể quan sát, đo lường căn cứ vào các tiêu chí đã quy định. Về quan điểm định tính và định lượng, đặc điểm quan sát và đo lường chính là trình tự của quá trình quy hoạch thực nghiệm.

NL được phân thành hai loại: - *NL chung* là những NL cơ bản cần thiết hoặc cốt lõi, làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống và lao động như: NL nhận thức, NL trí tuệ, NL về ngôn ngữ và tính toán, NL hành vi; NL giao tiếp, NL vận động,... các NL này liên quan đến những phương diện rộng hơn của công việc và có thể tồn tại trong nhiều nghề. Các NL này hình thành và phát triển dựa trên bản năng di truyền của con người, quá trình GD và trải nghiệm trong cuộc sống; - *NL chuyên biệt* là những NL riêng, được hình thành và phát triển trên cơ sở NL chung theo định hướng chuyên sâu riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù; NL đó liên quan đến việc thực hiện những nhiệm vụ của một nghề. Nhận biết thấu đáo về hai NL này sẽ có nhiều lợi ích đối với việc ĐT ra những người lao động có NLTH.

2. Tiêu chí cần thiết đối với GV trong ĐT theo NL

Để triển khai phương pháp DH theo hướng phát triển NL phải căn cứ vào các NL nghề nghiệp của đội ngũ GV, mối quan hệ và sự cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng quy định quản lý SV, phương hướng và kế hoạch hành động cũng như việc kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) quá trình học tập trên nguyên tắc phát triển và phù hợp với chương trình ĐT.

Để công tác giảng dạy các chương trình theo phương pháp tiếp cận NL, yêu cầu đội ngũ GV phải hội đủ các NLTH của nghề nghiệp mà mình dạy và các NL khác giúp cho NL nghề nghiệp phát triển. GV phải dạy tốt cả lý thuyết và thực hành ứng dụng trong

khối kiến thức công nghệ kỹ thuật liên quan đến việc làm chủ NL.

GV có các NLTH phải thích ứng và tối ưu hóa các nguồn lực có sẵn; đội ngũ GV dạy theo tiếp cận NL không thể làm việc một mình mà họ phải tăng cường các hình thức liên kết bên ngoài, cụ thể là doanh nghiệp. Đặc biệt để cho chương trình giảng dạy được phù hợp với thực tế xã hội, đảm bảo sự chia sẻ các thiết bị kỹ thuật, tổ chức thực tập trong doanh nghiệp, phát triển hình thức học và làm xen kẽ. Trong giảng dạy theo hướng tiếp cận NL, việc tuyển chọn GV phải căn cứ vào NL ngành nghề được giảng dạy và phải thường xuyên diễn ra tại chính các doanh nghiệp.

Lãnh đạo nhà trường luôn có mối quan hệ mật thiết với doanh nghiệp; nhờ mối quan hệ này sẽ phát hiện ra những chuyên gia của ngành nghề có được những NL cần thiết và có thể tham gia công tác giảng dạy. Những chuyên gia đó sẽ được mời đến trường giảng dạy một số học phần hoặc một học phần nào đó của chương trình học để nhà trường có thể đánh giá sự quan tâm và tiềm năng của họ trong công tác giảng dạy.

Những chuyên gia được lựa chọn tham gia giảng dạy đều đã theo học các khóa GD kỹ thuật và họ làm chủ được ngành học cũng như chuyên môn của mình. Khi bước vào giảng dạy, họ cần hỗ trợ về mặt sư phạm, về phương pháp giảng dạy.

Phương pháp ĐT theo hướng tiếp cận NLTH đòi hỏi GV phải phát triển NL mới và đội ngũ quản lý hành chính phải phát triển các phương pháp làm việc mới.

3. Chương trình ĐT theo NL

Việc chuyển đổi các chương trình ĐT các ngành khoa học công nghệ và khoa học ứng dụng nặng về lý thuyết, hàn lâm sang chương trình ĐT thiên về ứng dụng - thực hành dựa trên NL đã và đang là một xu thế phát triển trong ĐT đại học ở các nước trên thế giới. Khi chương trình ĐT được biên soạn theo phương pháp tiếp cận theo NL và phương pháp này còn mới, đội ngũ quản lý cũng như GV, các chuyên gia phải được tham gia một khóa bồi dưỡng đặc biệt. Ngoài ra, khi duyệt lại chương trình để đưa vào giảng dạy, GV cũng phải học tập để hiểu rõ về mục tiêu của chương trình cũng như các phương pháp KT, ĐG.

Các chương trình ĐT theo hướng tiếp cận NLTH được thiết kế sao cho có thể phát triển được tính thiết thực và đa dạng của ĐT. Chương trình đó có khả năng cho phép SV thực hiện được toàn bộ các công việc thuộc lĩnh vực được ĐT ngay sau khi SV bước vào thị trường lao động. Chương trình ĐT được xây dựng trên mối liên hệ giữa các mục tiêu nhằm tạo cho nhà trường lập kế hoạch dạy - học đảm bảo tính hệ

thống của chương trình ĐT là tích hợp kiến thức. Đối với ngành cơ khí chế tạo máy nói riêng và khối ngành kĩ thuật nói chung, chương trình ĐT theo NL bắt buộc GV phải DH tích hợp; nghĩa là, trong DH vừa dạy nội dung lí thuyết và vừa dạy nội dung thực hành trên cùng một bài dạy với quan điểm GD theo mô hình NL (đó là: nội dung chương trình ĐT được thiết kế theo module định hướng NL và phương pháp DH theo quan điểm định hướng giải quyết vấn đề và định hướng hoạt động).

Tiến hành biên soạn chương trình ĐT là phải đặt chương trình đó vào chuẩn quy trình như: tên gọi chương trình ĐT, mã chương trình; giới thiệu chung về ngành nghề và mục tiêu thực hiện; điều kiện, mục đích và chuẩn cho từng NL và hệ thống các NL mà chương trình ĐT có. Để vận hành tốt, chương trình phải có những nội dung thực hành xuất phát từ thực tế nghề nghiệp. Để phát huy được tính đa dạng, chương trình phải lồng ghép các nội dung học nền tảng và có khả năng điều chỉnh được.

4. Quá trình thực tập nghề nghiệp định hướng phát triển NL hành nghề

Thực tập là giai đoạn hoàn thiện NL tại các doanh nghiệp nhằm giúp SV có khả năng làm việc, được thực hành nghề trong môi trường làm việc thật.

Quá trình thực tập của SV được các doanh nghiệp đón nhận và cho phép SV tiếp cận với thực tế của môi trường làm việc, từ đó SV thực hiện một cách hệ thống các NL mà SV không thể thực hành tại xưởng trường vì thiếu phương tiện và đối tượng chuyên dùng.

Thời gian thực tập của SV được tính vào thời gian ĐT chính thức nên việc thực tập được xây dựng một cách quy củ và được đánh giá bởi nhà trường và doanh nghiệp. Quá trình thực tập của SV phải có sự thống nhất hữu cơ giữa nhà trường và doanh nghiệp về thời gian, địa điểm, thời lượng, cách thức tổ chức và đánh giá.

Thời gian thực tập nghề nghiệp đem lại lợi ích cho thực tập sinh rất nhiều, quá trình thực tập tạo cơ hội cho SV được thực hành tại môi trường làm việc thật, tiếp cận với cơ sở vật chất mà nhà trường không thể có, được quy hoạch thực nghiệm về nghề nghiệp mà tương lai SV sẽ làm.

Trong thời kì thực tập của SV, doanh nghiệp đã trực tiếp tham gia vào quá trình ĐT. Quá trình này đã tạo cho doanh nghiệp một phương thức tuyển chọn nhân sự cho công ty nhờ vào cơ hội được tiếp xúc thực tập sinh, được quan sát, đánh giá những người sẽ tham gia vào thị trường lao động trong tương lai gần.

5. Tiêu chí về KT, ĐG theo NL

KT, ĐG là sự theo dõi, tác động của người kiểm tra đối với người học nhằm thu thập những thông tin cần thiết để đánh giá.

KT, ĐG về thái độ, kiến thức và kĩ năng theo hướng NL là một khâu quan trọng không thể tách rời trong hoạt động DH ở nhà trường. KT, ĐG kết quả học tập là sự so sánh, đối chiếu kiến thức, kĩ năng, thái độ thực tế đạt được ở người học với kết quả mong đợi đã xác định trong mục tiêu DH để tìm hiểu và chuẩn đoán trước và trong quá trình dạy - học hoặc sau một quá trình học tập.

Việc KT, ĐG sẽ được đưa vào quá trình giảng dạy và được thực hiện thường xuyên với hai chức năng, đó là chức năng KT, ĐG ĐT và chức năng KT, ĐG tổng kết.

Chức năng KT, ĐG ĐT là chức năng trợ giúp học tập được tiến hành trong suốt quá trình ĐT bằng cách đo lường và đánh giá tiến bộ của SV. Chức năng KT, ĐG tổng kết là chức năng công nhận kết quả cho phép đánh giá mức độ làm chủ NL của SV vào cuối quá trình ĐT.

Đánh giá kết quả tiếp thu NL phải được thực hiện trong một môi trường tương tự như một môi trường thực tế nhằm đáp ứng kì vọng của người sử dụng lao động và căn cứ vào tình hình thực hành NL thực tế trên thị trường lao động. Hoạt động KT, ĐG và điều chỉnh phù hợp chương trình giảng dạy nhằm duy trì và phát triển tính thích đáng của chương trình so với nhu cầu của doanh nghiệp về chất lượng cũng như việc tăng giảm số lượng ĐT để đảm bảo cân đối cung cầu lao động. KT, ĐG là trang bị cho nhà trường những công cụ cần thiết về điều kiện đánh giá, tiêu chí thể hiện NL và khả năng làm chủ NL đó.

Công nhận kết quả học tập cho SV là quá trình xác định, đánh giá và công nhận NL của SV đối với một đơn vị học tập, một khóa học hoặc là một chương trình học tập của SV.

ĐT mới theo hướng phát triển theo NLTH trong DH các chuyên ngành kĩ thuật ở các trường cao đẳng tại TP. Hồ Chí Minh là quy trình xây dựng đúng theo yêu cầu của thị trường lao động.

Sản phẩm của GD được gọi là tối ưu khi sản phẩm khoa học đó được xã hội đón nhận một cách trân trọng thông qua quá trình quy hoạch thực nghiệm (xã hội ở đây chính là cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, khu chế xuất, khu công nghiệp, doanh nghiệp tư nhân

(Xem tiếp trang 40)

Đây là một bài thuốc chủ để mở rộng vốn từ; hữu nghị - hợp tác. Bài tập có tác dụng rèn TTT, nhuần nhuyễn của TDST, vì để giải quyết được bài tập này, HS đồng thời phải hiểu rõ nghĩa của các thành ngữ (việc hiểu nghĩa, giải nghĩa thành ngữ là một yếu cầu khó đối với HS tiểu học vì hầu hết các thành ngữ, tục ngữ nói chung đều mang nghĩa suy ra, nghĩa bóng và các tầng bậc ý nghĩa rất sâu sắc. Nó mang tính trừu tượng cao). Với dạng bài tập "đặt câu với từ cho trước" đã đòi hỏi khả năng TDST khi giải quyết thì việc đặt câu với thành ngữ cho trước còn khó hơn nhiều - vì vừa phải đảm bảo về mặt cấu tạo câu, cấu trúc ngữ pháp, vừa phải đảm bảo câu phản ánh một ý nghĩa khái quát và sâu sắc. Để giải quyết được bài tập không những đòi hỏi sự vững chắc về kiến thức mà còn đòi hỏi sự mềm dẻo, uyển chuyển, linh hoạt của TD. Sự kết hợp này sẽ giúp phát triển TTT trong TD của HS. Mức độ sáng tạo trong TD của HS sẽ phụ thuộc vào tính độc đáo, sinh động ở từng câu cụ thể. Chẳng hạn, với thành ngữ: "Bốn biển một nhà", HS có thể đặt được câu như: Anh em như bốn biển một nhà; Tình anh em như bốn biển một nhà; Bốn biển một nhà thể hiện một tình thân hữu nghị - hợp tác, đoàn kết và hoà bình; Bốn biển một nhà thể hiện một tư tưởng tiến bộ của con người...

TTT của TD còn thể hiện ở khả năng xem xét đối tượng dưới nhiều khía cạnh khác nhau, có cái nhìn toàn diện, thấu đáo, sâu sắc đối với một vấn đề. Vì vậy, trong DH, việc tổ chức, hướng dẫn cho HS tìm hiểu cũng như nắm chắc, sâu sắc một vấn đề là việc làm rất cần thiết khi muốn phát triển đặc trưng này của TDST.

Như vậy, phát triển TTT trong TD HS thông qua dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học là giúp các em có được cách suy nghĩ, cách phân tích, đánh giá, nhìn nhận vấn đề một cách linh hoạt, đa chiều, toàn diện khi giải quyết vấn đề, chẳng hạn như: Biết chia nhỏ vấn đề (bài tập, câu hỏi) để giải quyết từng phần một cách dễ dàng; biết nhìn tổng thể, toàn diện đối với các vấn đề, tìm thấy mối liên hệ giữa các vấn đề với nhau để giải quyết toàn diện, đồng bộ (linh hoạt, mềm dẻo); biết giải quyết vấn đề một cách độc lập, linh hoạt sáng tạo khi các vấn đề khó có nguy cơ bị bế tắc (cấu trúc câu mới, câu nhiều thành phần, câu không tương minh,...).

Ngoài ra, GV cần lưu ý rằng đặc điểm của lứa tuổi HS tiểu học là nhận thức cảm tính chiếm ưu thế, khả năng đi sâu vào bản chất vấn đề còn hạn chế, nhược điểm này khiến các em dễ bị lôi cuốn vào

những "dấu hiệu không bản chất" khi phân tích vấn đề. Đồng thời, do vốn ngôn ngữ, vốn sống còn nghèo nàn nên các em thường rất lúng túng trước những câu hỏi không tương minh. Đây là nguyên nhân chính khiến các em thường mắc sai lầm khi giải quyết các vấn đề (đặc biệt đối với các khái niệm thuật ngữ, các câu hỏi, bài tập có tính trừu tượng và logic cao). Vì vậy, trong phát triển TTT của TDST cho HS, GV cần chú ý vấn đề này để có những tác động phù hợp, giúp HS khắc phục được những hạn chế do nguyên nhân tâm lí lứa tuổi. □

Tài liệu tham khảo

1. Edward de Bono. **Đạy trẻ phương pháp tư duy**. NXB Văn hóa thông tin, H. 2005.
2. Saedacóp M.N. **Tư duy của học sinh**. NXB Giáo dục, H.1970.
3. Baker M. *Teacher creativity and its effect on student creativity*. Creative Child & Adult Quarterly, 1979, 4, 20-29.
4. Fisher R. *Teaching children to think*. Brazil, 1990.
5. Haddon F.A. & Lytton H. *Teaching approach and the development of divergent thinking abilities in primary schools*. British Journal of Educational Psychology, 1968, 38, 171-180.

Về đào tạo các chuyên ngành...

(Tiếp theo trang 31)

trong và ngoài nước và các tổ chức khác đóng trên lãnh thổ Việt Nam). Như vậy, xét trên góc độ ĐT thì sản phẩm ĐT được xây dựng thành một chu trình khép kín, xuất phát tại thị trường lao động và kết thúc ở thị trường lao động. □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương. *Kết luận số 51-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đề án "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*.
2. Tôn Quang Cường. **Lí luận & phương pháp dạy học đại học**. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.
3. Thái Duy Tuyên. **Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2010.
4. Trần Khánh Đức. **Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2014.
5. Nguyễn Đức Trí. **Giáo trình giáo dục học nghề nghiệp**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.